

SÁNG TẠO KẾT SINH TRONG THI CA ĐỖ BÌNH

Tại một thiền viện dòng tu Rinzai, Đất Phù Tang, mỗi sáng các thiền sư dùng điểm tâm bằng một bát cháo lỏng, dưới đáy thừa thớt vài hạt cơm. Gần miệng nhà tu, bát cháo lỏng trong vắt phản ánh trần nhà, dưới mái thiền môn. Do đó các nhà tu gọi là “cháo trần”. Và khi hợp hùm “cháo trần”, các nhà tu lùa vào thân thể và tâm não vừa chất dinh dưỡng, vừa ẩn tượng hài hoà đối chiếu, hương thượng.

Một tác phẩm thi văn cũng được coi là một món ăn tinh thần. Vậy so sánh với “cháo trần” thiền môn, thi phẩm *MÙA XƯA VỖ CÁNH* [1] của Đỗ Bình phản ánh gì? Chúng ta hãy đọc bài thơ mở đầu, “Mùa Xưa”:

Dạ khúc,
mưa khuya
sầu trút cạn.
Long lanh
giọt nước
bóng thời gian.
Mùa xưa vỗ cánh
về trăng mộng.
Phố, biên,
nhòa theo
sóng khuất ngàn! (MXVC, «Mùa Xưa », 39)

Trong bài thơ này, từ mặt đất, “Dạ khúc” vốn là sáng tạo của người nghệ sĩ lồng chiếu “mưa khuya”, để tất cả khơi lại chất sầu trong lòng người, đứng giữa trời và đất, đứng giữa quá khứ và hiện tại. Phải chăng chất “sầu trút cạn” mở đầu cho cả một chuỗi đau trùng khơi, phản ánh và xuyên chiếu khắp thi phẩm *MÙA XƯA VỖ CÁNH*. Niềm đau hiện sinh là chất lượng và lý do sáng tạo thi ca, là nguồn thơ khai mở mà Musset đề cập tới trong “La Muse”, [2] với phần trích đoạn như sau:

Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,
Laisse-la s'élargir, cette sainte blessure
Que les séraphins noirs t'ont faite au fond du cœur;
Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur.
Mais, pour en être atteint, ne crois pas, ô poète,
Que ta voix ici-bas doive rester muette.

Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots [...]

Theo truyền thống lãng mạn, mà Đỗ Bình phần nào chịu ảnh hưởng, mức độ sáng tạo vĩ đại trong thi ca và tư duy cao quý của thi nhân tự trọng, trung thực với chính mình và tha nhân, không thực hiện ở chỗ

câm nín, chịu đựng thống khổ, mà phát xuất ở khả năng mở toạc tâm gan như con chim biển Pélican của Musset, để nói lên sự thật về nỗi thống khổ của mình, về thân phận người, nhiều thương tích :

«Cứ khom lưng mau vuron thân em ạ,
Đời lỏa lỏ, chữ nghĩa cũng...banh da !»
(MXVC, «Bờ Lau Lách », 114)

Cái đau của Đỗ Bình không bị gò bó, kim hãm trong tâm cảnh nhà tu khổ hạnh,[3] không chảy máu khô khan nơi thân thể siêu thực, cao ngạo theo triết phái khắc kỷ (*stoïcisme*).[4] Cái đau trong thi phẩm *MÙA XUA VÕ CÁNH* thu hút, lay biến từ nỗi đau này sang nỗi đau khác, như một hiện tượng chảy máu phía trong cơ thể,[5] một cách liên tục, liên khởi, dây truyền.

Nỗi đau trong thi phẩm *MÙA XUA VÕ CÁNH* phát xuất từ sự cảm nhận một hiện tượng mất mát hiện sinh. Ở địa hạt không gian, đó là những «Chấm Phá ... hay mối đục mảnh trăng rằm» (MXVC, 47), những «Mảnh Vỡ» (MXVC, 50) quê hương xứ sở, nay chỉ còn là bóng dáng hoen mờ của «thiên thai lạc giấc mơ đầu » (MXVC, 51). Hiện tượng mất thiên đường, bỏ thiên thai là viễn ảnh tách biệt khỏi môi trường sinh sống toàn bích, chân, thiện, mỹ, mà người xưa đã từng biết tới:

«Bức tranh cổ nửa đời say đắm
Có thuở vàng son lắm khách thăm ...»
(MXVC, «Chấm Phá», 47)

Đó là những hình ảnh nguyên vẹn, trong sáng, êm dịu:

«Em thuở đó như nàng tiên phổ nhỏ
Tuổi mộng mơ hồn xanh ngắt học trò
Dáng mỏng manh tà áo trắng đong đưa... »
(MXVC, «Màu Mắt», 57)

Đó cũng là những hình ảnh hướng thượng về một không gian tuyệt hảo của huyền sử tổ tông, của những cõi nguồn xa xôi, mà con đường về ngày nay đã mất hết dấu tích dẫn lộ:

«Theo em quên nẻo đường về
Trăm năm chợt tỉnh lời thề có nhau ?
Thiên thai lạc giấc mơ đầu... »
Đập gương tìm bóng hỏi câu ân tình »
(MXVC, «Mảnh Vỡ », 51)

Thiên thai trong huyền sử dân tộc Việt liên tưởng tới một không gian tuyệt hảo, với những bữa tiệc thân tiên, đào ngọt, rượu quý, mà chỉ những hiền nhân, như Lưu Nguyễn, mới có duyên hạnh ngộ. Giống như không gian tuyệt mỹ của Gérard de Nerval, mà Richard Jean-Pierre gọi là «Géographie magique», [6] hay địa lý thần linh, cái «thiên thai lạc giấc mơ đầu» siêu việt của Đỗ Bình cũng ẩn dụ sắc thái toàn cõi thiên cung:

«Nửa vàng trăng cũ lung linh nghệ thường
Ta về trả cõi yêu đương
Còn nghe âm hưởng thiên đường ngày xưa... »
(MXVC, «Mảnh Vỡ », 51)

Đối với Đỗ Bình, «trăng» là một viễn ảnh trong sáng, huyền bích, tiêu biểu cho lý tưởng hướng thượng về một không gian cao đẹp của Quê Hương Xứ Sở trước đây. Bùi Giáng và rất nhiều văn thi sĩ khác đã dùng cụm từ «Cổ Quận» để ám chỉ những địa danh, những «Hồn Quê» bị mất tên, đổi dạng, thất tung trong dòng lịch sử võ đoán, hẹp hòi của những năm tháng vừa qua.

Sự đổ vỡ của đất nước còn lan rộng mãi :

« Sợ thế nước nghiêng thành sóng vỡ
Quê hương trôi mãi tận cung hằng !»

(MXVC, « Sóng Vỡ », 52)

Hiện tượng «cung hằng» ở đây nhắc tới một không gian viễn tạo, cái đất hứa lý tưởng tuyệt vời, nhưng đầy ảo ảnh, đồng thời cũng ám chỉ một nơi hằng cửu của cõi chết, ngay giữa lòng Thái Bình Dương, nơi đã cuốn đi biết bao «thuyền nhân», những «boat people» [7] liêu lĩnh vượt biển, người đắm tàu, kẻ chết nổi, vì mong muốn thoát khỏi đất tù cộng sản.

Cựu Ước và Tân Ước Kỵ Tô Giáo có nói tới sự xua đuổi con người khỏi thiên đường vì tội lỗi tổ tông trước cám dỗ thể xác và kiến thức táo bạo hiện sinh.[8] Sự đày đoạ của Người Việt ngày nay nơi Thiên Đường Cộng Sản cũng do lòng ham muốn tự do, ao ước tìm lại dân chủ nhân bản. Sự xua đuổi con người ra khỏi quê hương xứ sở ngày trước, cũng như tình trạng quên lối về lại thiên thai, luôn luôn được phối kiếm trong thơ Đỗ Bình bằng sự tách nổi, vừa tương phản, vừa tương ứng của hiện tại và quá khứ:

«Thiên thai lạc giấc mơ đầu
Đập gương tìm bóng hỏi câu ân tình
Bẽ bàng mảnh vỡ lạng tinh..» (MXVC, « Mảnh Vỡ », 51)

hoặc :

«Trái dòng suối bạc
ngõ rừng xưa
Vói tay
Mới biết
làn hư ảo...» (MXVC, « Mộng Thừa », 46)

hoặc :

«Bức tranh cổ nửa đời say đắm
Cổ thuở vàng son lắm khách thăm
Một sáng tình cờ lau lớp bụi
Mới hay mới đục mảnh trăng rằm»
(MXVC, «Châm Phá», 47)

Như vậy, nỗi đau hiện sinh trong lòng thơ Đỗ Bình là do sự va chạm, day dứt, đối nghịch giữa một quá khứ tốt đẹp, mỹ miều và một hiện tại bẽ bàng, đổ nát, ô nhiễm. Con người đày đoạ trong hiện tại và môi trường sinh sống suy thoái thấy mất lý tưởng cao đẹp, dần dần bị lôi cuốn, vùi dập trong ô nhiễm hiện hữu:

«Ai nữ
xô trắng
xuống vũng lầy?»
(MXVC, «Xót Trắng», 48)

Kể cả người thoát khỏi cảnh tù đày, ô nhục, nay sinh sống nơi đất khách quê người, cũng vẫn khắc khoải cô đơn, với những cảm giác lạc lõng của kẻ tỵ nạn, vất vưởng ngoài lề mảnh đất tạm nương:

«Em theo tiếng gọi mơ hồ
Lòng say phố mới quên bờ suối xưa !
(MXVC, «Chữ Tình», 61)

Hoặc :

«Hơn gì nhau kiếp lưu đày
Chén vàng thì cũng mượn vay xứ người ?!
(MXVC, «Kỹ Nữ», 119)

Hoặc :

«Sông Seine
hờ hững niềm đau...

Phố đông
người vẫn bơ vơ
Người đông
thôi cũng ơ thờ
lặng thinh ! »
(MXVC, «Cô Đơn», 67)

Hoặc :

«Kiếp tha hương buồn tênh
người quanh ta hững hờ !»
(MXVC, «Chiều trên Sông Seine», 77)

Sự mất mát hiện sinh còn xót xa, gần gũi, khi liên hệ trực tiếp tới sự khuất biệt của người tình:

«Ôi giai nhân
Trong đáy nước nhạt nhoà
Em trôi mất
mảnh thuyền xưa
mục rã !»
(MXVC, «Bọt sóng», 87)

Hoặc :

«Cô đơn chiếc bóng trên đường
bơ vơ lạc bước đoạn trường tìm nhau
(MXVC, «Tim Nhau», 62)

Hoặc :

«Em biệt mãi phố già hơn tháp cổ
Ta trầm luân theo ngàn sóng giạt xô
(MXVC, «Màu Mắt », 58)

Hoặc :

«Từ khi xa em
tâm hồn ta héo hon lạc loài ! »
(MXVC, «Phố Khuya», 84)

Và :

«Không có em...lôi bồng thênh thang !
Em đi nắng cũng quên nơi ấy
Bỏ chiếc lá thu túi bẽ bàng ! »
(MXVC, «Thu Paris », 76)

Sự vắng vợi của người tình làm không gian trống trải, như trong bài thơ «L'isolement» của Lamartine:

Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,
Vains objets dont pour moi le charme est envolé ?
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé [9]

Thật vậy, khi người yêu xa biệt, tất cả đều vắng vợi.

Nhưng có lúc hiện thể lôi cuốn, nổi cảnh, tiếp cận với hoài cảm, như một bài ca lấy nhịp trùng khơi, hài hoà kết sinh:

«Mưa Paris giọt buồn rơi thánh thót
Con mây chiều giăng nổi nhớ quê hương...

Mưa thôn thức ôm nổi lòng phố Huế
Nhìn sông Seine mà ngỡ nước sông Hương...

Mưa Hà Nội bỗng chợ chồn lối ngõ
Phố cổ xưa màu sắc lẫn Paris...

Mưa rả rích Paris càng thơ mộng
Thương Sài Gòn mưa ngập lối nhà em...»
(MXVC, «Mưa Paris », 79-80)

Ở trạng thái nhập tâm này, nỗi đau chia tách quá khứ và hiện tại đã giảm thiểu nhiều, chỉ để lại một niềm linh cảm dây truyền, nối tiếp những cảm xúc đồng tâm, đồng cảnh, xuyên chiếu lẫn nhau để kết tạo những thi ảnh có chiều sâu, có đáy lòng người biết thương, biết nhớ, biết thụ hưởng, biết sáng tạo. Đỗ Bình đã gây được trào lực kết sinh trong sáng tạo thi ca khi sát hợp hiện thể trùng khởi với viễn vọng quá khứ. Nỗi đau trong kiếp nhân sinh trở thành những hiện tượng khả chấp, những thực thể vô thường, vô ngã, có khả năng tiếp ứng, cải biến lẫn nhau. Trong ý thức trùng khởi kết lực sinh tồn, con người liên hiệp với nhiều sắc thái nhân bản khác nhau để bù đắp cho thân phận, để liên tục hồi sinh, về lại với chính mình, với lý tưởng hài hoà:

«Thả hồn lướt cánh say trong nắng,
Giải thoát đời qua kiếp đọa đày !»
(MXVC, «Người Tù Và Bóng Tôi », 88)

và sau đó :

«Ta về trả cõi yêu đương
còn nghe âm hưởng thiên đường ngày xưa... »
(MXVC, «Mảnh Vỡ», 51)

Cũng từ những cảm giác bề bàng với phái nữ, đấng cay với đối tượng ân tình:

«Lòng em
gian dối
khôn lường
Lừa nhau
đến đoạn cuối đường
tình ơi !.. »
(MXVC, «Vỡ Cánh», 59)

hoặc ngờ vực, như ngộ nhận nơi chính mình:

« hay em là hư ảnh ? (MXVC, «Chỉ Yêu Cuộc Tình», 68)

Thi nhân có lúc đã vững tâm bừng sống, khi biết chấp nổi sinh lực:

«Anh xin ca ngợi tình yêu
Dù cho đời vẫn có nhiều dối gian !
...
Bên nhau ngày bớt hững hờ
Rừng xuân chim hót ngân nga đắm hồn ! »
(MXVC, «Đời Thông», 63)

Và khi tình yêu vẫn còn sức hồi dưỡng, hoàn sinh :

Gặp em
hồn bỗng cảm
Có

mùa xuân
trên đời.»
(MXVC, «Tri Kỷ», 70)

Đề kết luận, ngay lúc khai mở, tên thi phẩm *MÙA XUA VỖ CÁNH*, tự tại là một thách đố siêu thoát thời gian lẫn không gian. «Mùa Xưa» thoát vượt sự sắp xếp luân vũ xuân, hạ, thu, đông. «Mùa Xưa» vồn vện như dòng nước vô ngã, vô thường, với vật thời gian đầy ngập hư không. «Mùa Xưa» không có màu sắc rõ rệt, không hoa, không lá, không mưa, không nắng. Vô hình, quá khứ lồi cuốn, xoá nhoà, thu hút, thời điểm thi ca vang vọng từ những vực sâu đáy thăm. «Mùa Xưa» chỉ còn là một cảm giác bất biến, bất thành. Có cũng như không. Không mà vẫn có.

Bỗng dưng, Đỗ Bình, như nhà ảo thuật sinh tồn ngôn ngữ, đã vung tay chấp nối «Mùa Xưa» với trào lực «Vỗ Cánh». Bỗng dưng, cái thời gian xoá nhoà kia, vô hình, vô dạng kia lại tồn tại trở lại, vùng vẫy ngay trong không gian và tâm mắt của hiện hữu mong manh, ngay trong ánh sáng đầu mùa sáng tạo: «Mùa xưa vỗ cánh về trăng mộng», về lại lý tưởng bất khuất, bất diệt.

Song song, cả thi phẩm *MÙA XUA VỖ CÁNH* đã chuyển hoá từ tâm cảnh của thi nhân tới bờ hạnh ngộ của độc giả. Trong cuộc hành trình kết sinh sáng tạo tiếp nối, đa diện.

Lưu Nguyễn Đạt, Ph.D
Fairfax, Virginia, 19 April, 2008

GHI CHÚ

- [1] Đỗ Bình, *MÙA XUA VỖ CÁNH*. California, Nhà Xuất Bản Cội Nguồn, 2007. Những trích dẫn từ thi tập sẽ ghi MXVC với số trang liên hệ.
- [2] Musset, “La Muse”, *La nuit de Mai, Poésies Nouvelles* (1836-52)
- [3] Tu khổ hạnh, chịu đựng kham khổ, *ascétisme*.
- [4] Triết phái khắc kỷ (*stoïcisme*) phát xuất từ triết gia Zénon: «supporte et abstiens-toi».
- [5]... một thứ ‘*hémorragie interne*’.
- [6] Richard Jean-Pierre, *Poésie et Profondeur. Géographie magique de Nerval. Profondeur de Baudelaire. Fadeur de Verlaine. Rimbaud, ou la poésie du devenir*. Paris, Editions du Seuil, 1955. Collection «Pierres Vives».
- [7] «Boat People» là danh xưng dành riêng cho những «thuyền nhân» tỵ nạn cộng sản, những người Việt đã liều lĩnh vượt biển, vượt sóng gió, đương đầu với hải tặc, với mọi nguy nan bất trắc, cốt để thoát cảnh thống khổ tinh thần, thể xác, kinh tế, chính trị, với hy vọng cập bến tạm trú, hoặc tới nơi «Đất Hứa». Đã có cả ngàn, ngàn người thuyền nhân bỏ mạng nơi biển cả, hoặc mất xác trên hoang đảo thuộc Thái Bình Dương.
- [8] Sự cảm dỗ về thể xác và kiến thức táo bạo hiện sinh được đề cập qua biểu tượng «Cây Kiến Thức», *l’arbre de la connaissance (du bien et du mal)* trong Cựu Ước (*Ancien Testament*), Tân Ước và Truyền Thống Ki Tô Giáo (*Nouveau Testament/Christianisme*), lần Hồi Giáo (*Islam*).
- [9] Lamartine, *Méditations Poétiques*, «L’isolement», 1820.